

THIÊN GIẢI THÍCH TỰ TƯ

Giải thích tên nêu bày ý, văn rất rõ ràng. Hành pháp thông bát phải lược chỉ bày. Nghĩa là: Người gồm năm chúng, pháp có ba bậc khác thời thì hạn cuộc xong hạ. Xứ thì chung hai giới, những điều khác thì ở trong văn.

Nói tông yếu: Nếu luận chúng đồng trước nhiếp tăng đại giáo, đây là đồng thuyết giới, ngay nơi pháp [Hàng 10, Ô1 - 247] là tông yếu.

Nếu trị ác, khuất phục tâm kiêu mạn, tâm thanh tịnh càng tăng, các hạnh là hơn hết, ngay nơi hạnh là tông yếu.

Như luật luận rộng lớn các thuyết phiên lụy, ghi chép những điều toát yếu làm thành một thiên thì ngay nơi văn là tông yếu. Ba ý đã giải thích đều thông. Sau, nghĩa thiện càng thiện.

Trong ý tự tứ, hai câu trên ở khoa đầu là nối tiếp phần sinh khởi ở trước. Trong phong tục dùng mười ngày là một tuần. Nhân trở xuống chính nêu bày ý. Hai, là trước nêu ý. Vọng tình rong ruổi bên ngoài, tập quán từ vô thỉ không tự phản chiếu, thế nên phần nhiều mê muội.

Kỷ tủng trở xuống là nêu danh, hai câu trên nêu.

Nội trở xuống là giải thích. Hai câu đầu giải thích sự buông lung trên nên mình phải phạm tội. Tức nói từ nghĩa mà thành tâm phát lộ tội lỗi, cho nên nói rằng bên trong nêu bày; thân ngồi dưới đất phát ra lời nói cầu xin sám hối, cho nên nói bên ngoài hiển bày, tức là ba nghiệp. Hột ngọc có vết gọi là hà, người bệnh nói là tỳ, đều để dụ cho người phạm tội. Thân trở xuống một câu là giải thích sự buông lung ở trước, tăng nêu tội, tức nêu bày nghĩa buông lung biếng nhác. Cho nên trở xuống là kết danh.

Nói không cô độc là ba nghiệp nương vào người khác, vì không tự có. Hết lời là lời lẽ đã trình bày, do tự mình thuật lại tội lỗi của mình cho chúng nghe. Trước tức nói chế nường nhau, còn lại là sạch được tội.

Hai, là y cứ có phạm, bốn tức không phạm. Ba là chung cho có không. Lại một là trước sau sinh thiện, hai trung là diệt [hàng 25, Ô1 - 247] ác. Trong phần chế cuối hạ, câu đầu khoa đều là chứng cứ. Nhược trở xuống là giải thích, có hai: Một là trình bày không có ý trước, trên nói tâm đến nhóm họp là chí thành. Cốt yếu là chế, nếu nghịch trở xuống nêu bày lỗi đã nói nêu trước. Nghịch nghĩa là chưa xong nhưng nêu trước, Hai: Cố trở xuống nói phải nêu ý sau. Câu đầu lặp lại chứng cứ trước. Dĩ trở xuống là giải thích. Đầu nêu bày đem rải. Phương nghệ nghĩa là chỗ đã đến. Ất trở xuống là nói lập pháp. Không riêng mình giảng nói nghĩa là vì mình quá mê muội, chướng đạo, v.v... nghĩa là phải sám hối. Cố trở xuống là kết ý.

Khoa kế, luật luận đều nói rằng xong, chứng trên càng hiển. Trong luận nói trì giới luật, nghĩa là vâng theo giáo luật đã chế. Và các việc lành; Tức y theo hóa giáo. Hóa chế không trái vì thế nói là đều không hủy, v.v...

Trong ngăn quá lạm, hai câu đầu tiên là chính danh.

Khi trở xuống là bỏ đi sự lầm lộn. Xưa, người dùng thưởng công cao năm lợi, khai phá năm giới. Đây là mặc tình hủy phạm để lập tên kia.

Ở đây trở xuống là nêu ý.

Trong phần khai chương nêu lệ nói duyên tập nghĩa là định thời gian lựa người đều phải hợp giáo mới thành pháp.

Nói tập mình nghĩa là lựa chọn giải thích nghi ngờ không phải một tướng.

Trong phần thời tiết hợp nhuần, trước nói tháng 4, 5, 6, nhuần. Ngày 15-7 y cứ vào người tiền an cư, người trung gian và hậu an cư phần nhiều tùy theo người tiền an cư, vì thí không nêu riêng.

Không y theo nghĩa là kết trước nhuần sau, đầy đủ như thiên trước, đây tức tùy theo xong hạ tự tứ không hạn cuộc thời tiết. Nhược trở xuống nói tháng 7 nhuần, không tính trước hạ.

Mãn: Đây y cứ theo trung gian và hậu thì nhiều, tiền an cư nhiều, hậu an cư ít cũng tùy theo tiền, tác trụ đợi đủ ngày mà thôi.

Trong thêm bớt: Bớt hai ngày trước, tăng hai nửa tháng sau, dụ cho không đi: Gượng khai hòa hợp đồng thuyết giới, vì thế chỉ như trước.

Trong phần kéo dài ngày: luật nhân có các tỳ-kheo trong mùa an

cư tinh tấn hành đạo được quả tăng thượng, sợ đi đến chỗ khác không được an vui, vì thế bạch Phật, Phật do đó cho phép tác bạch tăng ích tự tứ, bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay không tự tứ, đủ bốn tháng sẽ tự tứ, tác bạch như vậy.

Trong phần nói rõ quyết định: trước định không nạn, nếu trở xuống là nói có nạn.

Trong phần đầu có hai:

Ở đầu dẫn văn để định. Trước nói trong luật: Tức kiên-độ Tự tứ chép rằng: Các Tỳ-kheo muốn ngày 14, 15 tự tứ, Phật nói: cho phép, kế dẫn thí gấp: Câu đầu chỉ chung một giới, câu kế chỉ riêng trong giới, giải thích y thời (y đúng thời) được chứa. Văn kia chép: Nếu trước tự tứ mười ngày (ngày mồng 6 tháng 7) được y thí gấp. Tự tứ xong rồi được chứa một tháng (không được y công đức) năm tháng (có y công đức, đây tức là trước khai mười ngày sau không thêm). Cho đến ngày mai tự tứ, hôm nay được thọ (15 thọ y, ngày 16 tự tứ, nên nói là ngày mai). Ngoài một tháng, năm tháng, lại thêm chín ngày (nghĩa là đầu tháng 7 được y, trước bớt một ngày, sau thêm một ngày, cho đến ngày 15 trước giảm chín ngày sau thêm chín ngày, vì thế nói rằng thứ lớp tăng). Đây nói ngày 16 tự tứ hợp với kiên-độ ba ngày nói trên. Dẫn trong tăng ba, luật chép: Có ba trường hợp tự tứ: 14, 15 và 16 (ngày 16 là ngày đầu tháng hắc nguyệt).

Luật chép trở xuống là chánh quyết định, đây cũng là văn trong kiên-độ, tuy chung ba ngày, hai ngày trước không xong, không phù hợp với ý văn, vì thế lấy ngày 16. Luật trở xuống hai là giải thích ngại. Đầu dẫn văn, đây xuất xứ từ kiên-độ ni sợ người cố chấp nên phải giải thích cho thông. Văn này y theo chỗ xa mà nói, chuẩn theo lý phải biết rằng: tăng ngày 15, ni ngày 16, lại nếu ni ở chỗ gần thì không nhọc gì phải cách ngày. Như trở xuống, trong văn đều nêu hai pháp.

Thử trở xuống là chánh giải thích. Hai câu đầu giải thích chung. Nói nương nhau, lời nói giải rằng: Tăng cầu phải trước lúc tự tứ, bạch chúng trị và nêu tội đã phạm, thanh tịnh mới được thọ ni.

Vì thế trở xuống chỉ bày thông, hạn cuộc, đã thông ba. Nay lấy ngày 16 cũng không phải đặc biệt, nên nói là nhất kỳ.

Chữ khắc cũng như chữ ước.

Sợ người không biết trước tự tứ đã ra ngoài giới phá hạ, đời nay phần nhiều bị lỗi này. Từ lâu ôm trong lòng mùi vị giáo pháp, nghe đó

nhưng không thực hành, thật đáng thương xót.

Trong phần người đúng sai gồm có ba hạng.

- Đầu tiên trước kết sau phá.

- Hai là hướng về không phá.

- Ba kết có trung gian và hậu an cư.

Sợ nghi hai trường hợp trên không đồng pháp nên ở đây phân biệt để chung thành ứng với lời dạy.

Trong văn, trước nói hai trường hợp đầu. Luật Tư phần trở xuống chỉ bày một trường hợp sau. Chỉ nói hậu tức là nghĩa gồm trung gian, cũng y cứ phải hướng đến tiền an cư gọi là hậu mà thôi.

Trong phương pháp nêu ba người: Đối pháp tức là chúng pháp, đối thú và tâm niệm.

Trong thêm có hai: Hai phần năm và sáu.

Trong phần đầu, bốn môn đối trở xuống là năm người. Chỉ có môn thứ hai là sai người năm đức. Pháp đơn kép có sai. Ba môn còn lại đều đồng.

Trong duyên khởi, khoa đầu có hai: Trước là chỉ phần chứng của người và pháp; Đương trở xuống là chánh nói về duyên tướng, có bốn: Một là tác tướng; Kế từ các trở xuống là nói về trái tòa, còn lại là pháp sự, giường chiếu cả hai chung. Riêng tự tứ, ở đây chỉ nói ngồi dưới đất. Ba từ luật trở xuống là trái cỏ. Hai câu trên là ngăn lỗi, câu sau là chỉ bày pháp. Không ở tòa nghĩa là đã có chỗ ngồi. Không ở dưới đất nghĩa là giữ gìn thân và y phải dùng cỏ để nương. Nêu lìa tòa nghĩa là bỏ chiếu đến chỗ cỏ (xưa nói quỳ thẳng là sai). Nhưng không cho ở dưới đất, nghĩa là phải ở trên cỏ mà trong văn không nói, vì thế dẫn luật Ngũ Phần để quyết định. Bốn: từ tinh trở xuống là tu kính.

Khoa kế chỉ đồng như trước tức lời các bài kệ và xướng cáo. Khiến nói chỗ bố-tát đều phải thay đổi, nhưng khi hành sự phải biết thứ lớp. Đến chỗ nói bài kệ thanh tịnh, rồi thì phải dùng Phạm âm. Rải hoa rải nước cũng phải cúng dường (có chỗ nói: Thuyết giới cần pháp cúng dường còn tự tứ không cần là sai. Đây là cúng dường Tam bảo đầu chỉ dùng trong thuyết giới. Lại, pháp tự tứ [Hàng 27, Ô3 -247] chẳng lẽ không cầu cúng dường hay sao?). Phạm âm đã xong, nói kệ truyền hương rồi lên tòa, liền trình bày sự việc bạch chúng. Chọn người có đức sau đó bình bạch pháp sai.

Phương tiếp trở xuống là khoa hành sự. Trong tiểu chúng hai pháp đồng, khác. Đồng pháp nghĩa là khi đã xướng rồi, tiểu chúng ra ngoài đến khi tăng tự tứ rồi đánh chuông kêu vào, y theo thứ lớp ngồi trên cỏ

đối trước vị năm đức mà tự tứ. Biệt pháp nghĩa là đưa thẻ nhập tăng, sai Sa-di làm năm đức, còn các việc khác đồng với tăng.

Trong năm đức, chia làm hai: Năm đức kia nhân pháp vượt qua chỉ phần lược pháp là sau và muốn nêu pháp sai là khác.

Trong phần chọn người, hai câu trên ở khoa đầu là đều nêu. Vị trở xuống là giải thích riêng. Trong năm đức, bốn đức trước là đức chung, như trong phần chia phòng ở thiên trước đã nói, một đức sau là đức riêng.

Trước y cứ theo về người mà giải thích: Phá hạ, là không kiết tiền hạ v.v... người đều phải tự tứ. Ba lần nêu hai lần diệt, giữ lỗi không chịu phát lộ, v.v... không gọi là tự tứ.

Kế y cứ vào thời mà giải thích: Ba ngày là đúng thời, còn lại là phi thời, thêm bớt việc nạn đều phải hiểu.

Ba là y cứ vào pháp: Một pháp rộng, sáu pháp lược, xem duyên hoãn hoặc gấp, đều thích hợp vì thế số chép: Các tạp, thị phi, nhiễm tịnh đồng trụ không thích nghi lống lạm, ô nhiễm thêm huân (nghĩa là biết người), biết thời biết pháp (cộng trên thành ba). Không phải người thì không hiển cho nên cần phải có.

Luật trở xuống là nói thứ tự năm đức. Trước nêu năm tướng. Trong mỗi tướng không đối nhau.

Nói biết thời: Cùng với trên đầu có khác, trên là thời tiết, dưới là thời nghị. Nghĩa là so lường tăng hòa hợp, tranh cãi đáng nêu ra (cử tội) thì nêu ngay.

Số chép: Cử (nêu) tội dứt sự tranh cãi, không đâu không hòa thuận.

Ý trở xuống là tùy giải thích.

Câu đầu giải thích đức thứ nhất. Câu kế giải thích đức thứ hai. Dục trở xuống ba câu là giải thích đức thứ ba. Cố trở xuống hai câu là giải thích đức thứ tư. Mãn trở xuống hai câu là giải thích đức thứ năm.

Trong năm đức, hai đức đầu là trí vì có thể quán sát, suy lường. Hai đức tiếp theo là bi vì thường hay cứu khổ. Một đức sau cùng là từ vì có công năng ban vui. Lại đức thứ tư thuộc về miệng, bốn đức còn lại thuộc về tâm. Đây là người có hai thứ năm đức (có người hành sự sai một người có năm đức tự tứ, có người làm năm đức nêu tội).

Hỏi: Đã đủ hai lần năm đức vì sao không gọi là mười đức?

Đáp: Vì tội và việc khác nhau, vì thông và cuộc khác nhau.

Nếu như vậy, ngày nay năm đức từ đâu mà có tên?

Đáp: Dùng phân chia thông, cuộc. Nghĩa gồm chính, y cứ về sự thì

cuộc, theo chánh là tên.

Khoa kế, đầu là bằng chứng, hai là giải thích có ba:

- Đầu là xét bốn tôn, chỉ khiến sai người và trong Yết-ma chỉ ghi một tên, cho nên nói là không rõ.

- Kế là chỉ bày ba luật, đều sai hai người. Chú thích nhiều người nghĩa là đối trước hai người, ba người mà làm pháp sai rồi tùy đó mà đối khởi, lại thay thế nhau trước sau hai người không phải cũng làm.

- Sau dẫn ba ngàn, chính nói lý do.

Tăng tự tứ rồi tức đồng luật Thập Tụng không dùng. Trong đây chỉ lấy ý sai hai người. Trong phần ba, trước khiến trách chuyên chấp trước, nghĩa là theo người sai. Vì thấy bốn tông sai pháp đơn bạch gọi tên. chưa thông các bộ: tức như đã dẫn ở trước.

Hựu trở xuống là khiển trách sự tùy tiện, nay đều như vậy. Hướng chỉ kể ngu si luống không thực hành, vọng xen vào hàng tăng, xưng là người có năm đức, danh thì có mà thật ra không có, thực chất không đáng thương xót!

Thập trở xuống là dẫn chứng kẻ hạ tòa hướng về, nghĩa là bậc lạp cao đức trọng không thể làm việc.

Trong pháp sai, khoa đầu trước nói lựa chọn đức, khiến bậc Thượng tọa sai khiến lựa chọn hoặc có thể theo đó mà làm pháp Yết-ma cũng được.

Bất trở xuống là định chỗ, do thế gian lạp hành nên phải chỉ phá. Trong khoa kế, trước nói các pháp Yết-ma còn lại thông truyền dục tịnh, riêng đây có khác nên phải nêu riêng.

Thử trở xuống là nêu bộ khác.

Luật Tăng-kỳ, v.v... đều không khai nên trong phần hỏi hòa, y cứ về chung để đáp sau hiển bày riêng để đáp.

Chỉ như trên: Tức trong thiên Yết-ma.

Trong năm đức hành sự hòa tăng, văn đầu chỉ bày oai nghi. Thời nay, phần nhiều ở trước tăng, lễ rồi hòa bạch không ứng trở xuống là ngăn quấy. Khoa kế, trước chỉ bày đáp riêng. Nhược trở xuống là chỉ đáp chung.

Trong phần hành thảo, khoa đầu có bốn:

1- Chỉ bày chỗ nêu ra như trước đã nói.

2- Đương trở xuống là khiến dự vào giải thích.

Người riêng một việc nghĩa là ý khiến cho đều trải, sợ vãi liên tiếp nên phải dùng một nắm tay. Dài hai thước cho phép cắt rồi xếp lại, khiến trải rộng có thể dung chứa một chỗ ngồi để làm tiêu chuẩn.

3- Chí trở xuống: Nói thứ lớp thực hành. Thượng tọa quỳ trao còn những người khác thì không cần.

4- Các trở xuống: Nói trải vải, trước tòa là chỗ ngồi dưới đất. Văn chú thích chép: Lại dẫn dò tìm kiếm hoặc nói nhất định dự tìm cần gì phải dẫn lại. Nay cho rằng văn này chú thích phần trải cỏ ở trên. Nghĩa là người năm đức xương rồi, mới trải sự dung thương tốt, chúng lại đảnh lễ, vì thế khiến cho lãnh thọ trải tòa trước, đợi xương rồi mới ngồi, có không y theo đây, đặc biệt chú thích chỉ bày. Biện nghĩa là trải cỏ chuẩn bị chỗ ngồi.

Trong phần xương cáo đến tòa cỏ nghĩa là bảo khiến cho rời chỗ ngồi ngay.

Thiên dẫn, v.v...: là dẫn dò sau khi tự tứ đầy đủ oai nghi cung kính. Chú giải khiến cho theo đó, chẳng phải cho rằng hợp chúng đều xen nhau quỳ.

Sau nói rằng thấy người năm đức đến mới đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì thế phải biết trước đó ngồi trên cỏ, phần nhiều hiểu lầm khiến cho chúng mỗi một, cũng vì không hiểu được văn.

Hỏi: Vì sao phải ngồi trên cỏ?

Đáp: Chỉ có pháp tự tứ này là khác với các pháp sự khác. Vì đến cầu người khác chỉ dạy nên phải biểu hiện sự từ tốn khiêm nhường. Phải trải chiếu, tọa cụ không dùng vải lót, hạ mình như tội phạm. Vì sợ tổn thân y nên trải cỏ.

Sớ chép: Nói rời tòa là bỏ tánh kiêu mạn, trải cỏ là sợ tổn hại, đây là chứng minh, đâu lại nghi ngờ chẳng! (Xưa chép: Khi Phật thành đạo, Đổng [Hàng 2, Ô3 - 248] tử Cát Tường đem cỏ đến cúng dường, nay bắt chước theo Đức Phật, do đó lại vọng hiểu bài kệ nhận cỏ, thật rất xuyên tạc, xin dùng lời sơ để chứng nghiệm, phải sớm bỏ đó). Nhưng ngày nay hành sự phần nhiều quen theo tập quán đó cũng dùng một ít cỏ. Dùng tấm lụa năm màu sắc sỡ giống như trẻ con chơi giỡn, lại nhờ tăng quản lý hoặc tịnh nhân phân chia, cho đến xương cáo tay cầm đội lên đầu, y theo xưa truyền lầm tụng kệ cát tường. Song sau giờ cao tọa cụ rồi ném xuống, thân không rời tòa lại không trải cỏ, trái với chánh pháp, luống nhậm vọng tình, tự khoe khoang mình có thể giảng nói. Còn như hành sự lại theo sự sai lầm, đến chỗ văn này thì lòng tin đồng với biển mộng. Hướng chi bằng tình cố chấp thấy việc tốt không thay đổi, trọn đời phải chịu sự vô tri, khi quả báo đến lại thêm sự ngu muội. Biết sai trái sửa lỗi, chỉ có người trí mà thôi.

Trong phần đối thuyết, trước dẫn oai nghi của bậc Thánh, răn

đạy khiến bắt chước theo. Bậc Thánh còn như vậy, kẻ hạ phàm có thể không bắt chước được hay sao?

Lời sơ có dẫn rằng: Đức Phật ngồi trên tòa cỏ bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy đều ngồi trên tòa cỏ. Im lặng giây lâu lại bảo các Tỳ-kheo: Ta muốn thọ tuổi, ta có lỗi với mọi người chăng? Lại không phạm thân miệng ý chăng? Nói như vậy ba lần.

Xá-lợi-phất bạch rằng: Ba nghiệp không có lỗi sở dĩ như vậy là vì không ai có thể vượt hơn Đức Phật làm một vị y vương nhãn mục, cả thế giới Đại thiên đều tôn quý thì làm sao có lỗi được.

Kinh Chỉ Tân Tuế chép: Lúc bấy giờ, Tam Thiên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cánh. Một vạn Tỳ-kheo được đáu đạo. Tám ngàn Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Trên hư không tám muôn bốn ngàn vị trời đều phát tâm Vô Thượng chánh chân đạo ý, v.v...

Trong phần đầu của khoa thứ tư, hai vị năm đức đến, một vị quỳ một vị đứng: Ý nói không phải hai vị nói cùng một lúc. Nay phần nhiều quỳ, thật trái với luật, dầu nói trước sau, nghi xen lẫn nhau, không thể hiển bày riêng khác cũng là phi pháp.

Khoa kế, trong pháp Thượng tọa, trước nói tu kính nghĩa là trong luật do nhóm Tỳ-kheo sáu vị lật ngược y, y quần cổ, trùm đầu, đắp y trùm kín hai vai, mang giày dép trên đất, ngồi trên giường mà tự tứ, Đức Phật do đó chế phải đầy đủ oai nghi. Luật nêu bốn lễ, văn lược phần cởi giày dép, một pháp thiên đản ở xứ này không thích hợp.

Tăng phải tùy theo bậc Thượng tọa: Trong luật vì vị Thượng tọa đầy đủ oai nghi tự tứ, còn những vị khác vẫn ở ngay tòa. Phật lại chế, đây cũng y cứ khi vị năm đức đến, không phải cho rằng đại chúng đều quỳ.

Trong luật Thập Tụng nói xoa chân nghĩa là gieo mình sát đất duỗi tay xoa chân biểu hiện sự cung kính cùng tột.

Kia lại chép: Nếu hạ tọa thì không được xoa chân, vì trái với nghi thức.

(249) Trong lời trình bày y theo số chia làm năm:

- Câu đầu: Chính bạch với người năm đức, cầu được phép nói.

- Câu kế: Văn khi tăng tự tứ.

- Ba: Tôi pháp danh... trở xuống là ứng với pháp trên, trình bày lỗi lầm nhờ tăng nêu tội.

- Bốn: Hoặc thấy, v.v... con có ba căn: Thương xót chỉ bày.

Sớ chép: Giải hạnh đầy đủ nên gọi là Đại đức, niên lạc cao nên gọi là Trưởng lão.

Lại nói rằng: Trước đơn điệp là chỉ bạch với người năm đức, sau song điệp khuyên nhắc chúng tăng (nghĩa là dặn dò tăng). Luật Tăng-kỳ nói rằng Trưởng lão và tăng nói tự tứ nên thông cáo đó.

- Năm: Nếu ta trở xuống là sửa đổi tội lỗi để trở thành người thanh tịnh.

Nói ba lần: Kính mong khuyên răn dặn dò không phải là dối trá.

Trở lại bốn tòa nghĩa là trở về chỗ ngồi. Trong luật do vị Thượng tọa quỳ đợi mỗi một, bạch Phật, Phật cho phép trở về chỗ ngồi.

Trong phần thứ tọa là lời trình bày sự tu kính giống như Thượng tọa, vì thế chỉ đó.

Trong phần tổng kết, trước dùng hai tòa làm pháp, còn bao nhiêu giống như vậy, vì thế nói là như vậy.

Câu sở dĩ lần lượt đối từng người nói, nghĩa là do cầu người khác chỉ lỗi, khiến cho đại chúng biết tên tội quán sát quy lương có hay không. Nếu khiến nói chung với nhau thì làm sao phân biệt được, cho nên trong luật nếu nói một lần, nói hai lần, nói lén, nói nhanh đều gọi là phi pháp đều là ý này.

Trong phần khai nói tùy thân an nghĩa là cũng phải ngồi dưới cỏ, nhưng không đầy đủ oai nghi mà thôi. vì thế, luận chép: Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh vén y, cởi giày dép, quỳ thẳng chấp tay trong thời gian lâu, bệnh nặng thêm, bạch Phật, Phật do đó khai cho.

Trong lời chú nói rằng xin tự tứ nghĩa là trình bày ba lần là xong, không phải cả chúng đều xin. Ở trước nói rằng tùy xin trở lại tòa, đâu không rõ ư?

Trong phần chỗ của vị năm đức là y cứ theo văn trong luật Tăng-kỳ.

Phải y theo vị nghĩa là không sai thứ lớp.

Phá Thập Tụng: Kia thủ tăng, vì đồng ba ngàn oai nghi ở trên.

Trong phần xướng cáo, thời nay hành sự vị năm đức về chỗ mình rồi, chú nguyện hồi hướng, nhưng sau dùng tiếng Phạm nói kệ tự vui mừng (phần nhiều không nói kệ là sai).

Trong phần cử tội, y theo thiên trị, y cứ về tâm trái thuận, thông thấu, sám phạt.

Khoa đầu chia làm hai: Đầu nói vị năm đức do chúng tăng cử, quyết không thiên vị phải y theo pháp mà gia trị.

Hai từ nhược trở xuống là nói người khác cử, sợ tổn giảm phải nghiên cứu đâu là hư, đâu là thật. Trước nói sự căn đều thật, y theo pháp ngăn: Tác cử nhớ nghĩ. Nhược trở xuống là nói sự là thật, mà căn

thì sai lầm.

Phản trị:

Chú giải ở thiên trước, tìm đó sẽ thấy.

Trong phần phản trị, trước chọn vị năm đức không trị có hai nghĩa, vì thế một là chúng sai, hai là vị đầy đủ đức.

Nói suy thẳng nghĩa là nghiệm xét gia hình. Kế từ không đồng trở xuống nói người khác phải trị. Ngược với hai nghĩa trước, trong văn đã hiển bày như vậy.

Trong phần tăng đủ thiếu, trước là nêu vị tăng lớn nhất giải thích pháp đầy đủ; sau từ nhược trở xuống nói vị tăng, kế đó vì việc không đủ.

Chỉ có pháp sau là khiến cho phát lộ.

Ni đến thỉnh nói, trước trong phần không có ni là vì khi thuyết giới, ni thỉnh răn dạy nên thân không hiện tiền. Có không đều hỏi, tự tứ không phải như vậy tuy có mà không hỏi.

Trong pháp bạch nhật, khoa đầu chia làm ba:

- Đầu là an cư, ni lập chỗ.

- Hai: Từ chúng trở xuống là tăng tự tứ.

- Ba; Từ đương trở xuống là ni trình bày.

Pháp chỉ biệt: Sau đều nói: Tỳ-kheo-ni tăng an cư rồi, Tỳ-kheo tăng an cư rồi. Tỳ-kheo-ni tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đại đức thương xót chỉ dạy cho con, nếu con thấy có tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần).

Khoa kế, trước là báo cáo, sau là răn bảo. Lời xưa dùng chung, nay chỉ có vua mới xưng.

Dư trở xuống là chỉ sau.

Kia nói: Khi ni tự tứ, truyền tăng báo cáo, các ni đánh lễ xin xong, sau đó mới tự tứ.

Trong pháp cách ngày: vì trong đêm tác pháp ni đến không kịp nên chế cho nhóm họp lại, chỉ điều này là khác, còn bao nhiêu giống như trước.

Trong phần hỏi dùng dục để ứng đối Yết-ma, nay đã không làm mà chế truyền dục, vì thế phải hỏi để giải thích.

Trong phần đáp, trước nêu bày lý.

Trong tám kính pháp của ni có điều nói phải nương theo tăng mà tự tứ. Chúng không hòa tập vì không y theo tăng, vì thế phần sau luật dẫn chứng. Trước dẫn văn khai lược, xử trở xuống là phản ánh pháp rộng. Tăng-kỳ trở xuống là y cứ nêu ra. Đầu là nêu văn. Kia nói rằng:

Ni thỉnh răn dạy rồi trở về chùa báo cáo lại. Cũng chế ni tăng nhóm họp hết không thuyết dục.

Do trở xuống là hợp nêu. Trong phần ni đến nói tội trọng: Giới tăng đàn phân vọng trở xuống là nói thân đã có tội không thể tự tứ. Thời nay pháp của ni chế không thực hành, xin cho nghe cũng lại không thấy.

Trong phần lược thuyết nêu rằng tạp hạnh là hai món duyên pháp đều có khác nhau.

Trong phần chỉ duyên khiến lượng thời là việc của vị năm đức, các pháp chọn nêu, kẻ ngu muội chẳng thể kham được, có thể không cần thận ư?

Trong phần năm đức đối lược, văn đầu có hai: Trước là nêu khi lược duyên, chỗ có là nêu bốn món. Sau: Từ đương trở xuống chỉ bày lược pháp: Một là trước nói rộng, hai là nói thứ lớp lược. Văn lược nói hai lần.

Sớ chép: Đối năm đức có hai lược, hai lần nói, một lần nói (có người nói không nói lại là sai).

Thọ hai người: Dầu thọ ba người lý cũng không sai, chỉ không được thọ đến bốn người mà thôi.

Trong phần khiển trách sai, trước chỉ ra sai. Hai đầu là hai vị năm đức đều quý. Một lúc là hai tòa đều nói. Luật trở xuống là dẫn chứng. Trước dẫn bốn luật do không phải là đặc biệt chế. Kế dẫn luật Thập Tụng. Câu đầu chỉ bày pháp, bắt trở xuống là ngăn lỗi có bốn.

Nghịch tác, từ hạ đến thượng (từ thấp đến cao).

Hành hành, là phân chia đều thứ.

Siêu vượt, là khoảng cách giữa thứ lớp ngồi.

Xướng chung là hợp chúng đồng nghe.

Trong phần tăng đối lược, trước nêu nạn duyên, ngũ trở xuống là vị năm đức cáo bạch.

Tiện trở xuống là chúng tăng đối thuyết

Sớ chép: Không đối vị năm đức có ba cách lược.

Như một trăm người là năm mươi đối thuyết, lúc kia đây nói ba lần, nói hai lần, nói một lần.

Ba lần nói hướng về pháp, đây là rộng đối với người mà lược. Trở xuống hai thứ nhân pháp đều lược. Trong pháp đơn bạch chỉ đối hai một là khác. Trong phần nói tác bạch, trước nói phải bạch, bắt trở xuống là chọn trước không cần.

Trong phần đi thẳng, câu đầu gồm nêu năm món như trên; sau nêu

riêng món thứ sáu (quảng lược hợp luận khứ có bảy pháp).

Trực (phải đi thẳng) nhĩ khứ là do nạn đến không cho đối thuyết, đây là căn cứ sau khi vị năm đức hòa bạch rồi. Nếu chưa bạch mà nạn đến thì đợi thanh tịnh tự tứ, tức Ngũ Bách Vấn chung một tháng.

Nạn sự ở tiểu giới như trong phần kiết giới đã nói. Nạn nói chung thì cùng khắp, lược để chỉ bày: Thọ thuyết an cư, tự tứ đều dùng nạn vua, nạn nước, nạn lửa, v.v... tám nạn duyên khác đều gọi là nạn. Tăng giảm thuyết tự tứ tức do giới khác có sự đấu tranh, đến đây là nạn.

Tiểu khai: Đề dùng ngay trong giới, không hòa là nạn, tướng duyên đều khác không thể xen lẫn (phần nhiều dùng sai lầm nên ở đây chỉ bày).

Trong pháp năm người, khoa đầu sợ lạm hành là thường có người, vì đồng như trên đều sai hai vị năm đức. Kế là văn chia làm hai:

(1) Trước nói pháp sai: Đầu tiên vấn hòa, kế đó bình pháp, trước sau xen nhau làm năng sở, bất trở xuống là ngăn lạm hành.

(2) Sau từ thủ trở xuống là chánh đối thú tự tứ.

Trong pháp bốn người, văn trước là nêu duyên, tác pháp có thể hiểu. Bốn người, hai người lớn đồng nhỏ khác. Khoa kế, trong phần có thể sám hối tự nói, tức là tự mình cầu người nêu tội của mình. Trong phần không thể sám, khoa đầu là ba phẩm Thân-lan-giá. Phẩm thượng là ở trong giới đối trước đại chúng sám hối, vì năng sở (người phạm tội và đại chúng) đủ sáu người mới được thực hành.

Trong phần bát thuyết là biểu hiện ý người này đã nhập vào nhóm tội.

Giao tức huấn câu. Tăng số không đủ thì không phù hợp với việc trước. Vì thế nói là đều không.

Trong phát lộ, trước y cứ luật Thập Tụng vì đáng hối chưa hối. Và lại, bạch xong thì đồng như phát lộ. Phạm tức đã phát lộ, các giới khác đã rõ ràng, nghĩa phải tự tứ, vì thế nói là không ngại.

Tứ Phần trở xuống là y cứ nêu, vì không có văn. Trước nêu việc tức trên tòa phát lộ khai cho nghe thuyết giới. Ký trở xuống là nêu đồng, thuyết giới tự tứ, chúng pháp nghĩa không khác. Vì thế trong văn có ba:

Một là tịnh hạnh đồng, vì đều hộ lễ.

Hai là chúng pháp đồng, vì đều nhiếp tăng bốn.

Ba là nhiếp trị đồng, vì có phạm đều phải sám hối. Phát lộ.

Lý trở xuống là sửa lời nói, lẽ ra phải đầy đủ rằng: Các Đại đức nhất tâm niệm! Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... phạm hữu lậu,

tội Tăng tàn, tức trong văn tiếp theo do chúng nói, biết đây tức là tự tứ. Do thân còn mang theo tội phạm nên không thể nói thanh tịnh, phải điệp nhập pháp.

Trước nói: Năm người sắp lên được nêu tội, chỉ bốn người: Cho phép bạch rồi y như thường mà tự tứ, không cần phải sửa văn, vì trong pháp tăng tự tứ không trình bày thanh tịnh.

Trong phần vọng trình bày Phạm-ba-đề: vì nói ba lần, đối với mỗi người đều kết ba tội (xưa nói hướng về ba vị Tỳ-kheo đều được một lần nêu ra là sai, vì trước đối với một hoặc hai vị, không cần phải nhất định).

Bất trở xuống là chọn khác, kia không nói phạm vì duyên thiếu.

Trong pháp một người, văn trước thứ nhất nói đầy đủ: Do bốn chúng pháp không có người bèn khai, vì thế phân biệt chỗ phải dự định đồng đại chúng; thứ hai từ nhược trở xuống tác pháp có thể hiểu. Khoa kế y cứ vào người giúp việc không thể có hai tướng. Sám hối tội đã phạm, phát lộ lỗi lầm đối với người không thể làm, vì thế cũng cho phép trên tòa phát lộ, ghi vào phạm tự tứ, nên nói rằng y theo trước (lời y theo trước đã làm).

Lại trong thiên thuyết giới, y cứ Ngũ Bách Vấn hướng về bốn phương tăng, sám rồi thuyết giới cũng có thể dùng.

Trong tạp tướng, trước nói duyên pháp, hiển thẳng hành sự. Tướng sai khác, đúng sai của giáo nghĩa đó được nêu ở phần sau, vì thế nói là đại minh.

Trong phần hỏi đáp thứ nhất nói tăng trị đủ nghĩa là trên được thông dưới, vì thế một người đến đối luận. Nếu y cứ hết thì cần phải có hai mươi vị, chẳng phải cho rằng đại chúng được tác pháp đối niệm, chỉ hướng về người phân nhiều có thể thực hành.

Người khác chưa hết: Dưới không nhiếp trên, vì thế bảy nhóm phải chia làm ba vị:

1- Chỉ có tăng trị gồm có ba: Ba-la-di, Tăng tàn và Thâu-lan-giá nặng.

2- Chỉ có biệt trị gồm có sáu: Trung Thâu-lan-giá, Hạ Thâu-lan-giá, Đơn-đề, Đề-xá-ni, Đột-cát-la nặng, Đột-cát-la nhẹ.

3- Chung tăng riêng: Sám hối tội xả đọa.

Tự tứ nhiếp tăng phải giữ tịnh hạnh, bên trong nêu bày trong ẩn giấu, miệng thuật lại dấu vết, vì thế nói rằng cử tâm ứng với tăng. Nhưng hai pháp đối thú và tâm niệm ngôn tướng tuy khác nhau nhưng đều phải thanh tịnh mới trình bày được.

Trong câu hỏi thứ hai, vì chỗ nêu ra không đồng sợ thành nghiêng chấp, vì thế trong phần đáp đều nêu ra pháp chính, tùy người áp dụng.

Luật Tứ Phần chép: Các Tỳ-kheo tự tứ rồi thuyết giới, ngồi lâu mỗi một, vì thế bạch Phật, Phật do đó khai cho, văn dẫn lời Phật nói.

Trong phần hỏi thứ ba, luật do nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị đến ngăn Tỳ-kheo chớ vì sáu vị ấy tác pháp Yết-ma và ngăn tự tứ, cho đến sai Thức-xoa, Sa-di-ni, cư sĩ đến ngăn. Phật đều cấm không được đối trước những người này tự tứ. Lại do vua Ba-tư-nặc sai binh lính ủng hộ tăng. Các Tỳ-kheo muốn tự tứ, Phật khiến tránh đi, các văn như trong lời đáp dẫn. Trước nói sai người tránh đi, nhược trở xuống tức tự mình tránh đi. Thời nay không biết phân nhiều cho cư sĩ nữ đến ủng hộ, ồn ào, thật trái với pháp chế, phải đuổi đi.

Trong phần khách đến, trước gồm chỉ bày tăng biệt, theo trong luật tăng tự tứ chưa xong, khách đến hoặc ít, hoặc bằng (khách và chủ số người bằng nhau), hoặc nhiều (khách nhiều hơn chủ) đều tùy theo vị thượng tọa, hạ tọa theo thứ lớp mà tự tứ (văn này không dẫn vì dễ biết). Nếu tự tứ rồi và chúng chưa đứng dậy, hoặc đứng dậy rồi có khách đến ít hơn chúng tại bốn xứ nên cho thanh tịnh, nếu không cho thì đúng như pháp mà trị.

Nếu khách bằng hoặc nhiều hơn nên tự tứ lại, không tự tứ lại, thì đúng như pháp mà trị.

Nhược trở xuống là chỉ bày riêng người khác.

Tăng pháp tức năm người đối thú như bốn người, vì thế đều chỉ như trước.

Trong phần hỏi đáp thứ năm về phá hạ rất dễ hiểu.

Nói lìa y: Do chưa nhập y Ca-đề. Trong pháp thọ nhật ở đây cho là ngày mồng 9 tháng 7 thọ, sau dẫn văn để chứng minh.

Sớ chép: Như trong luật đã chế, đến bảy ngày trở lại, nay hạn chế minh tướng xuất hiện, chính ở ngoài giới bật phần chứng này, vì thế nói là phá hạ.

Lại nói: Ngày mồng 10 tháng 7 thọ bảy ngày, đến ngày thứ bảy là mãn hạ, không đến không phạm.

Trong phần hỏi đáp thứ sáu, luật Tứ Phần nói thọ nhật đến chỗ khác tự tứ và khách đến nhiều ít có nạn, ra ngoài giới đều không phải đương xứ (chỗ đương ở), mà luật Tăng-kỳ kết tội: Chính là chế không duyên liền đến mà thôi.

Trong phần hỏi thứ bảy cho rằng: tăng đúng thời được hiện tiền đúng thời, hai món này thưởng công lao trong mùa hạ, phi thời hai món

thí không phải là điều bàn luận.

Nếu trong hai y đúng thời hiện tiền thì hạn cuộc người tiền an cư, trung gian và hậu an cư thì không có phần, như ở sau sẽ nói.

Trong phần đáp, trước dẫn văn nói cho phép, vì tuy là trung gian và hậu an cư nhưng công đức cũng bằng tiền an cư, phá hạ không kiết nhất định không dự phần.

Nhược trở xuống dẫn phòng xá làm lệ. Trong luật nói chia phòng rồi mà còn nhiều thì khai cho khách trụ xứ, trung gian và hậu an cư được thọ phòng xá, hạ rồi phân chia vật có thể dùng đó để lệ chứng.

Trong phần hỏi thứ tám, có duyên khai lược, không có nạn như thế nào, sợ đến nổi lạm hành nên phải hỏi để quyết nghị. Trong phần đáp, luật nói nhóm tỳ-kheo sáu vị sợ Tỳ-kheo làm pháp yết-ma, nên ngăn tự tứ mới xảy ra các lỗi. Văn nêu bảy trường hợp, năm trường hợp là phi pháp, hai trường hợp là riêng chúng. Do nói một lần, nói hai lần, Phật liền chế, từ nay trở đi nói ba lần tự tứ.

Nói lén là âm thanh nhỏ, Phật dạy tự tứ phải nói rõ ràng để người khác nghe.

Nói mau là nói gấp, Phật dạy tự tứ nên nói từ từ.

Trong phần dạy bảo, trước dạy người tuổi nhỏ. Thứ nhất là hai thầy dự dạy; thứ hai từ dự trở xuống là vị năm đức coi xét việc dạy.

Mỗi câu nghĩa là tùy theo lời dạy, phải nói theo từng câu, sau dạy tuổi già. Thứ nhất theo phần hỏi đáp ở trước, đầu tiên là đáp đồng; Cố trở xuống là dẫn nêu ra.

Trong phần hỏi đáp thứ chín, trong luật vì người tiền an cư và hậu an cư ở chung, không biết phải theo ai mà tự tứ, liền bạch Phật, trước tiên Phật dạy tùy theo vị Thượng tọa, nhưng trong các vị Thượng tọa có hậu an cư và tiền an cư (chủ khách đều có Thượng tọa). Kế dạy tùy theo cựu trụ, lại cựu trụ cũng có tiền an cư và hậu an cư. Dạy tùy theo số người đồng, như văn đã dẫn.

Trong phần hỏi đáp thứ mười, trước dẫn chế giáo định phạm. Bộ Tứ Phần văn thông, sau dẫn bộ Mẫu luận. Đã nói là ra ngoài giới, tức là tăng trụ, không có duyên kết phạm mắc tội Đột-cát-la nhẹ.

Trong văn nói duyên: Hoặc vì Tam bảo, hoặc y cứ vào việc nạn, tùy có trở ngại không thể đi. Luật Ngũ Phần thọ thỉnh chính là y cứ tục xá, vì có phiền não thỉnh chủ nên kết tội Ba-dật-đề nặng.

Không phải chỗ thỉnh tức là tăng xá. Trái với trên thì được đến, y theo trước phạm Đột-cát-la.

Kế y cứ về hóa giáo hiển lỗi có năm. Một, hai rất dễ thấy; hoặc

trở xuống ba câu là ba món. Hai ba xen lẫn nhau. Dùng nghĩa để phân thì trên là keo kiệt dưới là tham cầu. Hoặc có thể, trên thì y cứ vào ruộng nhà vườn rừng, dưới là tiền bạc của báu, ngũ cốc, vải vóc, năm món này không đâu chẳng phải là xan tham. Nhiều sự nghiệp chẳng phải là sự nghiệp của người xuất gia, xa lìa những món này sẽ thành thì có thể biết.

Y Ca-hy-na: Trong luật nói lúc bấy giờ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la hạ an cư rồi đến ra mắt Đức Phật, đi giữa đường thì trời mưa y bị ướt hết, trong đó y Tăng-già-lê nặng nên mang theo rất cực nhọc. Lại ở nước nọ thời tiết lạnh Tỳ-kheo dùng y phần tảo cũng đến ra mắt Đức Phật, gặp trời mưa, mang theo cũng rất cực nhọc, nhân đó Đức Phật cho phép thọ y công đức, khai cho được năm điều lợi, trong chú thích dịch tên, luận Minh Liễu nói bốn tên. Thứ hai từ thí chủ, ba thứ còn lại công năng. Hai tên trở xuống là tự giải thích.

Nói không bại hoại nghĩa là bỏ khuyết cũ, sửa đổi mới (có chỗ nói chứa y dư quá hạn không phạm tội xả đọa là sai).

Vững chắc nghĩa là hai khiến cho năm giới không thiếu sót.

Ấn chú nghĩa là khiến cho chúng được năm điều lợi.

Kế, xưa đổi hai tên có thể hiểu. Năm điều lợi như ở sau sẽ nói, khai cho đều được ích nên đồng gọi là lợi.

Trong phần phân chia chương và tạp xuất: Tức ở sau nói năm lợi, đúng thời, phi thời, v.v...

Khoa đầu trong bốn tông, trước là định chừng hạn thời gian. Đầu tiên dẫn văn ban đầu chỉ bày khai thọ, sau dẫn văn phần sau chứng chế xả. Khoảng giữa là y theo biết năm tháng.

Ứng thọ tức Phật cho phép.

Tiền an cư là từ trung gian và hậu an cư.

Mùa Đông bốn tháng: Tiếp mùa Hạ một tháng cộng chung thành năm tháng. (trang 251).

Như trở xuống là nói ngày khác được thọ. Cố trở xuống là dẫn chứng. Nghĩa (vị) trở xuống là chuyển giải thích.

Chỉ nói rằng liên ngày cho nên biết không hạn cuộc, sợ dĩ không cho để qua đêm là vì có hai ý:

1/ Sợ để kéo dài lâu quá thì mất thọ.

2/ Khai quá đáng, quyết phải chế ước.

Luật Thập Tụng chứng ở trước chung một tháng là nói trong văn. Bộ Tứ Phần và Thập Tụng thì nói thọ một tháng, xả chỉ có một ngày. Trở xuống là dẫn trong Mẫu luận cũng như vậy. Trong luật Ngũ Phần

thì pháp thọ giống các bộ, chỉ có pháp xả là khác. Kia y cứ rằng ngày được y đủ số bốn tháng. Sự đồng an cư, trước bớt sau thêm đều chung một tháng. Vì sao cho là khác ư?

Đáp: Y cứ rõ các bộ đều khai bốn tháng, nhưng tông này tính đều thấy khác nhau.

Luật Ngũ Phần thì lấy thọ y làm đầu tiên. Luật Tứ Phần dùng Y-ca-đề thường khai không ở trong số này. Nếu y cứ ngày rằm tháng 8 thọ không ngại luật Tứ Phần lại thành bốn tháng. Luật Ngũ Phần lại được năm tháng, suy nghĩ đó sẽ biết. Trong Mẫu luận, trước nói thọ xả, sau nói bảy tháng trở xuống tính số ngày. Có sự duyên không kịp nghĩa là y chưa xong, hoặc là do duyên ngại cũng khai cho cách ngày (trong các văn trên lại y cứ vào tác pháp xả, còn lại xả thì không nhất định).

Theo luật Thập Tụng thì không được nhiếp tháng nhuần, vì đây là pháp quá đáng.

Trong y thể có bốn: Một là chỉ bày thể, nếu được y mới tức đúng thời phi thời thí, vốn chẳng phải y công đức; Hai là Đàn việt thì chính là làm y công đức, thí chung cho bảy chúng. Y phần tảo trở xuống y theo luật mà có, hoặc là y mới, hoặc là y cũ, vì thế hai câu y đều giải thích y phần tảo ở trước mà thôi.

Vật mới gấp tịnh tức y mới ở trước do gấp cũ. Hoán nạp tịnh: Nói y cũ ở trước, không nhọc gì phải gấp lại.

Bất dĩ trở xuống, kể nói câu xin lìa lỗi, kể lệ có sáu. Năm trường hợp trên chẳng phải như hai y đã giải thích, trở xuống một là hiển như nghĩa là chúng thí thuyết tịnh tài vật (luật Tăng-kỳ cũng nói tịnh tài được làm. Ba, ở trên nói rằng: Tiền ngày đến và ứng pháp, đây đều nói thọ pháp.

Nói ứng pháp: Tức ở sau chọn người bình pháp đều phải hợp giáo.

Bốn: Tứ chu trở xuống là nói tác y pháp (cách may y) lại có ba, trước chỉ bày đề điều. Nói nếu quá đây nghĩa là đại y bảy điều. Nên nói rằng bảy điều hai mươi một bức cũng thuộc tăng dần lên.

Ứng tự trở xuống là nói cắt rọc, vả lại chỉ bày hạ y, còn lại có thể nêu ra làm tiêu chuẩn.

Hựu trở xuống là nói sắc tướng. Trong luật do nhóm Tỳ-kheo sáu vị dùng y nhuộm màu chính, y bằng gấm lụa y màu trắng, Đức Phật do đó chế giới.

Luật chép: Vì sao tăng không thành y công đức, nghĩa là không giặt, không cuốn, không sửa, không may viền, không cắt bức, không

làm đường biên, không may, không có dây buộc, không làm lá, không may móc, như vậy là tà mạng, xiểm khúc, kích phát. Lìa y qua đêm, y xả đọa không tác tịnh, không đến ngay ngày đó, không đúng pháp thọ y (trái với đây thì đúng pháp có thể hiểu), không may viền bốn biên, không thọ ở trước tăng, hoặc có nạn, hoặc ở ngoài giới, tất cả những trường hợp như vậy đều không thành y công đức, trái với những điều nêu trên thì thành y công đức.

Trong luật Thập Tụng, trước chọn may. Nhược cố trở xuống là chọn lựa thể. Đến gò má lấy là giải thích y đắp thân chết ở trên. Trong chú thích hòa hợp với văn trước nên biết. Luật Tứ Phần thường dùng y phần tảo, cũng không có chỗ lựa chọn.

Nhược điệp trở xuống là chỉ bày đúng như pháp.

Trong Già luận nói y thí gấy và y bố thí đúng thời vốn chẳng phải là y công đức, trải qua đêm cùng thành thọ.

Luật Tăng-kỳ nói chưa dùng tức y mới nói ở trước luật Ngũ Phần nói chẳng phải có bảy. Điều dùng chữ nhược để nêu. Bốn thứ trên là phân biệt y, tức may, thể, màu sắc lượng đều phi pháp. Thứ năm là lựa thời. Sáu, bảy đều chọn người thọ. Vì thế, xả năm việc: y cứ trên có dùng hai chữ nếu muốn. Năm việc tức năm giới chứa y dư, v.v... Trước nói tham lợi, sau tức khinh thường giới (có chỗ cho rằng năm việc là năm tướng, văn kia không phải như vậy).

Ba, là nói chọn người. Trước trong phần chọn thọ luật Tứ Phần có bốn thứ. Nói có nạn nghĩa là các nạn như nạn vua, v.v... đều không được thọ, tức chọn người thọ. Lời sơ trong giới chép: luật nói: Có nạn không mất y, nay đã bị nạn giặc vì thế không được thọ, không có nạn thì nên thọ (thấy trong giới chốn lan-nhã lìa y, nói là mười ba nạn là lầm).

Không có Tăng-già-lê: chẳng phải ý vốn khai, như trong phần duyên trước.

Câu Nhĩ Vô trở xuống hai y có thành thọ chẳng? Trong văn đáp không lựa chọn, suy nghĩ rất dễ biết.

Ở ngoài giới: Vì thân tuy hiện tiền, nhưng tướng không đủ số.

Luật Thiện Kiến, trước lựa chung đúng sai.

Trong văn bao gồm an cư và không an cư.

Nhược trở xuống là chỉ bày ngoài giới, trước không đủ sau đủ. Năm không giải thích.

Trong phần đầu lựa chọn giới khác, không được nói tăng và Sa-di. Tăng là thọ rồi thành giới cụ túc được lợi, và giới hiển đương thành thọ.

Luật Thập Tụng, trước nói phương tiện khai.

Khác giới đồng kiết: Kia nói rằng an cư rồi có bốn bên phòng tăng hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười người hoặc nhiều hơn cùng kiết một giới thọ y Ca-hy-na. Tất cả Tỳ-kheo đều được gọi là Thọ. Sau kiết riêng: Nghĩa là tác pháp thọ rồi liền giải, liền kiết, không phải đủ năm tháng.

Kia hỏi rằng như trên nói tăng phòng cùng kiết, thọ rồi xả đại giới này, như vậy các Tỳ-kheo có được gọi là thọ y chăng?

Đáp: Đều gọi là thọ.

Xả là đồng: Như có một chỗ chúng không ưa thích, không có lợi thì không đợi thời gian đủ, hoặc tác pháp xả, hoặc gặp duyên mất, vì không có hại chỗ khác.

Kia hỏi rằng chúng nhiều tăng phòng cùng kiết thọ rồi xả giới này, y Ca-hy-na đã xả, như vậy tất cả Tỳ-kheo có gọi là xả không?

Đáp: Xả thì xả, không xả thì không xả. Nay dẫn lời đáp nhưng đổi lời mà thôi.

Hai: Lựa chọn phạm lỗi. Đuổi người tức diệt tận, văn kia chỉ nêu bốn hạng người, nay thêm chữ đặng, lại thêm nêu tận và ba lần nêu người để bỏ ra ngoài chúng vì không đồng pháp (các văn không chọn bốn người Yết-ma. Nghĩa rõ dường như được).

Người trì: luật Thập Tụng nói người có năm đức. Bốn đức trước rất dễ hiểu, vị trở xuống là giải thích đức thứ năm.

Được và không được phải y cứ ba trường hợp: Thời, y và người để giải thích.

Luật Thiện Kiến, trước nói dùng y nhiều ít.

Vật quan trọng: Như tiền, của báu, v.v...

Nhược Yết-ma trở xuống, đây là nói đối với năm đức lại chọn thiếu. Do y thuộc kia có thể cứu giúp. Khoa này chính là nói chọn vị năm đức trì y.

Lại trong luận chép: Ba y tùy thí chủ nói đều cho người thọ y (tức là vị năm đức), chúng tăng không được thọ y Ca-hy-na (xưa cho rằng đủ năm tháng rồi trả lại, do y này cùng với y hoại trong chúng giống nhau, là lầm).

Sớ chép: Hạ trước tiên bạch: Nghĩa là khiến cho tăng quán sát, lâu ngày rất dễ biết, chỗ quán sát có năm:

- 1- Người không có nhiều công việc vì chuyên giữ y.
- 2- Không ưa những sự lỗi lầm, vì là chỗ nương của chúng.
- 3- Người không tham tài, vì chẳng phải vì y này.

4- Người có lòng từ bi vì thương xót chúng sinh.

5- Ưu tuệ thí vì giúp cho người khác được lợi ích.

Hỏi: Người giữ y tự mình có được lợi không?

Đáp: Chỉ giữ không thọ nên không được lợi ích.

Hỏi: Ba y đã đầy đủ rồi, lúc thọ phải thế nào?

Đáp: luật Thiện Kiến chép: Đem y Tỳ-kheo xả rồi, y Tăng-già-lê đã thọ, cầm y Ca-hy-na đến bạch vị Thượng tọa rằng: Tôi dùng pháp trì y Tăng-già-lê làm y Ca-hy-na (theo đây, y trước xả rồi thuyết tịnh. y Ca-hy-na làm pháp thọ trì).

Bốn: Trong phần tác pháp thọ y, khoa đầu luật dạy sai người cũng không nêu pháp.

Luật Tăng-kỳ chép:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay tăng được y tài này, nếu tăng phải thời mà đến, tăng cùng Tỳ-kheo... và các vị khác lấy y Tăng-già-lê làm y Ca-hy-na, tác bạch như vậy.

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Các Đại đức bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp... thì yên lặng, nếu vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng Tỳ-kheo mổ giáp... nên yên lặng, việc này cứ thực hành như vậy.

Khoa kế, trước nói khai chế, không được nói đạo đức: ngăn lời kia nói làm lưu nạn.

Nếu không cùng may, đề cho cách đêm thì không thành thọ.

Sở dĩ trở xuống là chỉ bày ý.

Chư Phật khen ngợi: khiến cho được lợi ích an vui tu đạo. Vì thế luận chép: Xưa có Đức Phật hiệu là Liên Hoa, có một vị đệ tử tên là Tu-xà-đa, may y Ca-hy-na chưa xong, vì thế cùng may với các Tỳ-kheo. Khoa sau chỉ rộng nhưng trình bày ý tóm lược, nay không nêu phần y thể ở trước nhưng vẫn cũng rõ.

Lại dẫn luật Tăng-kỳ để chỉ bày.

Luật kia chép: Nếu có người cúng thí y công đức không được làm tinh mà thọ, phải nói rằng: nay ta thọ y Ca-hy-na (y công đức). Thọ rồi đến trong, tăng bạch hai lần, báo chúng tăng rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay tăng được y công đức đúng thời này (thời y tài), nếu tăng đến đúng thời, tăng nhận y Ca-hy-na này, tác bạch như vậy.

Kế sai người có khả năng may y, hoặc một người hoặc hai, ba người, bạch nhị Yết-ma mà sai. Sai rồi một người làm chủ thọ y công đức. Đúng thời thì nói như vậy: Thọ y Ca-hy-na này tăng đáng thọ (nói

ba lần) nên nói rằng: “Y Ca-hy-na tăng đáng thọ như vậy”.

Khi cắt, khi may, khi nhuộm, khi điểm tịnh, hễ chỗ nào làm đều nói ba lần như trên, không nói mà làm cũng thành nhưng mắc tội Việt Tỳ-ni.

Trong phần chánh thọ, khoa đầu:

Điệp rộng: Theo lượng dài, tức là xếp hai đầu, may khú hai đầu, giữa khú ba đường, năm đường tức là bốn điệp.

Trong phần bình pháp, trước lựa chọn chúng, gồm các bộ trước, cộng chung có mười một hạng người.

- 1- Người dữ dục (tức không hiện tiền)
- 2- Người có nạn (ở đây chung một chúng)
- 3- Người không có đại y.
- 4- Giới khác.
- 5- Trung gian và hậu an cư.
- 6- Phá hạ.
- 7- Không kiết hạ.
- 8- Phạm tội Tăng tàn.
- 9- Ở riêng.
- 10- Học hối.
- 11- Người bị diệt tẩn.

Khiến ngồi riêng: Do người được thọ phải ngồi liên tiếp nhau, để hành sự cho tiện nên không theo thứ lớp.

Tuy trở xuống là ngăn tình.

Sợ cho rằng hai phần trái khác nên trong phần hỏi đáp y cứ đáp chung, chung cho ba pháp sau. Nếu hành riêng thì tùy theo đáp.

Trong cách bạch hỏi: Ở đây khác với pháp tự tứ, bạch trước sau như thế nào?

Đáp: Có người nói y công đức cho phép dạy chung tác bạch, không tác bạch. Trước tòa bạch chúng cho phép tác bạch rồi mới sai. Tự tứ nghiêm chế không suy xét, không hành, trước sai sau mới hòa chúng.

Hoặc có thể: Y công đức ba pháp đều là vị Thượng tọa làm. Tự tứ bạch, hòa phải do người nắm đức bình bạch, vì thế khác nhau.

Lại nói, Chế pháp không đồng không cần so sánh.

Trong phần sai người, chú thích nêu lên nghi thức.

Cùng với một Tỳ-kheo: Nghĩa là đối diện nhau hỏi đáp, vẫn giống như đối với riêng người khác, y cứ theo luật tức vị có năm đức.

Trong phần cho y, văn đầu tiên chỉ bày vị nắm đức đầy đủ oai nghi.

Đương trở xuống trong duyên vị Thượng tọa làm pháp Yết-ma. Có thể chia y tức gọi là vật khinh, đây là điệp duyên.

Tăng trở xuống là điệp bốn.

Hai câu trên nêu ra tăng chúng giao y.

Tỳ-kheo này trở xuống là nói người năm đức thọ y.

Trong phần thọ y, khoa kế là Thượng tọa quỳ: y cứ trở xuống đều như vậy.

Khước hành tức thân lui về.

Cho nên tự tứ đối trước hai người, ba người, nay đối trước bốn người, suy nghĩ sẽ hiểu.

Trong lời nêu bày có ba:

1- Vị năm đức tác pháp chưa thọ khiến thọ, gọi là Đương, chánh thọ nay kết, gọi là dĩ.

2- Trong lời tăng thọ nói kia thọ tức chỉ chung chúng tăng, khéo thọ thì không phạm lỗi phi pháp.

Nói trong đây là chỉ chỗ thọ y. Y tên là công đức, tên phải có thật, công đã thuộc về ta, sẽ được năm điều lợi, mỗi mỗi nói không phải là hợp tụng.

3- Vị có năm đức đối đáp.

Bốn người nói rồi đều dùng một lần đáp (luật Tư Phần tuy có tăng pháp. Bộ Tăng-kỳ khai đối thứ, tâm niệm thọ là đúng, bộ này thì khác nên không dẫn).

Trong pháp xả: Trong luật do Có nhóm Tỳ-kheo sáu vị không chịu xả y công đức vì muốn kéo dài năm việc lợi. Vì thế Phật do đó mà chế xả. Nếu không xả quá chừng hạn của y công đức phạm tội Đột-cát-la.

Trong bốn bộ, hai phần trước của khoa đầu rất dễ hiểu. Hựu trở xuống: Luật nói có tám nhân duyên xả y công đức.

1- Ra đi (may rồi không trở lại, ý muốn ra đi thì liền mất, vì khi thọ có tâm muốn, sau trái đó nên mất).

2- Y may thành (ra ngoài giới may y, may xong rồi dần mất).

3- Y may chưa thành (ra ngoài giới khởi ý niệm không may y cũng không trả y lại, may chưa thành tức xả).

4- Mất y (ra ngoài giới may y rồi mất y, cũng mất y công đức).

5- Mất hy vọng (ra ngoài giới hy vọng may y đến (vọng xứ), không hy vọng liền mất).

6- Nghe xả (ra ngoài giới may y rồi, nghe tăng xả y công đức, liền mất).

7- Ra ngoài giới (ra ngoài giới may y rồi, ở ngoài giới chúng tăng

xả y công đức liền mất).

8- Đồng xả (ở ngoài giới may y, hoặc rồi hoặc chưa rồi, trở lại trụ xứ hòa hợp xả y công đức).

Năm trường hợp trước trái với tâm bốn yếu cho nên mất, ba trường hợp sau lại nhân Yết-ma mà xả.

Hỏi: Ba trường hợp sau có gì khác với ở trước tăng hòa hợp mà xả?

Đáp: Trước là thời gian đủ, ba trường hợp sau không nhất định, nên khác nhau.

Trong phần hiển bày riêng, trước nói hỏi hòa: Trong luật chỉ có pháp Yết-ma này và tựa giới bốn trước đã nêu đầy đủ, còn bao nhiêu đều nêu dùng vì thế phải chỉ bày rõ cho biết chỗ nêu ra.

Trong văn sáu duyên, lại y cứ lời hỏi phải đủ mười, như trong thiên trước. Bộ khác và luật Tăng [hàng 21, Ô2 - 252] -kỳ có mười trường hợp xả y:

1- Y may xong thành xả (thọ rồi nghĩ rằng y may thành rồi sẽ xả, khi may xong rồi liền xả).

2-Khi thọ xả (nghĩ rằng khi thọ y xả, khi thọ liền xả).

3- Thời gian đủ rồi xả (nghĩ rằng đúng thời gian đó xả, đến kỳ hạn đủ liền xả).

4- Nghe xả (nghĩ rằng nghe Hòa-thượng xả, lúc đó sẽ xả, khi nghe liền xả).

5. Đưa cho xả (nghĩ y này cho người khác mình sẽ xả, khi đưa cho người khác liền xả).

6- Hoại xả (thọ rồi, trung gian tự nói nay ta xả, khi nói lời này liền xả).

7- Mất xả (nghĩ rằng y này trung gian (khoảng thời gian sau khi thọ) hư hoại hoặc mất không còn sẽ xả. Khi hư hoại hoặc mất liền xả).

8- Ra đi xả (nghĩ rằng khi đi sẽ xả, khi đi liền xả).

9- Quá thời xả (như lời sao đã nói, kia nói mắc tội việT Tỳ-ni).

10- Rốt ráo xả (đến ngày rằm tháng chạp ở trong tăng một người xưng rằng: Bạch Đại đức tăng! Ngày nay tăng xả y Ca-hy-na, (nói ba lần như vậy).

Chỉ các bộ khác là luật Ngũ Phần có tám trường hợp mất y:

1- Thời xong (tức bộ Tăng-kỳ nói quá thời).

2- Mất y.

3- Nghe mất.

4- Đi xa.

5- Mất hy vọng.

6- Y đem ra ngoài giới (đem y công đức ra ngoài giới qua đêm).

7- Người ra ngoài giới (Đồng với luật Tứ Phần người ra ngoài giới qua đêm).

8- Bạch nhị xả (Tứ Phần thì đơn bạch).

Liễu luận có tám:

1- Xong.

2- Thành tựu.

3- Xuất ly (đồng với đi xa ở trước).

4- Mất.

5- Nghe.

6- Quá vị.

7- Mất hy vọng.

8- Cùng dứt trừ (tác pháp trừ).

Mười thứ như luật Tăng-kỳ ở trên.

Điều tùy trở xuống, chỉ bày ý chung của các văn.

Trái bốn tâm: y cứ nhiều phần, trong đó không chỗ nào không làm pháp quá thời.

Trong năm điều lợi nêu rằng thông bát: Thông tức năm tháng, được lợi, bát tức ngoài thời không khai (trong đây chỉ nói có y năm tháng, kia một tháng thường khai. Như thiên an cư không đồng xen lạm nhau).

Trong thông bát, trước nêu chung năm tướng.

Gồm khai tám tội chứa y dư nhiếp ba. Lìa y gồm hai, giải thích tướng nói đủ, đều chỉ như sau.

Sở dĩ khai: Hạ xong rồi, người quản y ra ngoài có nhiều việc. Nếu không khai thông, thì chung thành cứu giúp.

Theo luật Thập Tụng được chín việc:

1- Mười đêm.

2- Sáu đêm.

3- Một đêm.

4- Năm duyên giữ y Tăng-già-lê (1/ Sợ hãi; 2/ Mưa gió; 3/ Giữ đại y; 4/ Giặt nhuộm; 5/ Đem cất).

5- Năm duyên giữ áo mưa.

6- Thường ăn.

7- Ăn riêng chúng.

8 và 9 hai thời không bạch mà vào xóm làng (luật Tứ Phần không khai phi thời, bộ khác không đồng).

Kỳ trở xuống riêng chọn chứa y dư. Trước nói về giới hạn, trong

một năm, năm tháng là đúng thời, bảy tháng là phi thời. Dũ trở xuống là giữ tướng nhiếp thời, mười ngày khai thọ cấp thí, tức phi thời nhiếp đúng thời.

Câu tự tứ xong rồi không vì an cư mà thí: Thời nhiếp phi thời. Trong phần răn dè tâm bình đẳng, sợ đối với lợi dưỡng được mất mà động lòng. Vì thế dẫn kinh chỉ bày khiến tâm bình đẳng. Trước nêu bốn pháp, tức tám gió thổi, bốn trái bốn thuận. Văn trước nêu trái vì thế nói là bốn, sau mới hợp lại giải thích thì nói rằng tám pháp. Không sợ là tâm bình đẳng. Trước là riêng giải thích thứ nhất đây là y cứ ý. Ba còn lại là nhân dẫn, cho nên không nói.

Tám pháp: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ và lạc. Bốn trái đối với trên, bốn thuận trái nhau có thể biết. Trên là tu cho mình, vì trở xuống là chỉ người khác. Được mất, vinh nhục đều là bốn nghiệp duyên, gió trái thuận đến không ưa thích.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký- Quyển thượng Phần 4
xong

